Sở Tư pháp

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:25/2018/QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý và khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2019 và thay thế Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức quản lý và khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng nghiên cứu, Ban TCD;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Nguyên.

186

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Phạm Anh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý và khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý và khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đến các tỉnh liền kề (gọi tắt là hoạt động xe buýt).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức có đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định của pháp luật (gọi tắt là doanh nghiệp) tham gia khai thác tuyến xe buýt; hành khách đi xe buýt và cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Chương II
TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG XE BUÝT

Điều 3. Kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt

1. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt thực hiện theo khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 07/11/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh bằng xe ô tô (gọi tắt là Nghị định số 86/2014/NĐ-CP), Điều 28 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (gọi tắt là Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

2. Ngoài việc tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Điểm dừng, nhà chờ xe buýt không được che chắn hoặc ảnh hưởng đến các biển báo, đèn tín hiệu giao thông, các trụ nước cứu hỏa, các công trình dành riêng cho người khuyết tật, các công trình ngầm của các ngành viễn thông,

004

truyền thông, điện lực, cấp thoát nước, trước cổng và trong phạm vi 05 mét hai bên cổng, trụ sở cơ quan, tổ chức.

b) Mỗi điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt đều có số hiệu riêng và được thể hiện trên bản đồ để quản lý và thông tin cho hành khách đi xe buýt.

c) Việc quảng cáo trên các điểm dừng xe buýt, nhà chờ phải thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành.

3. Quy định vạch dừng xe buýt

Thực hiện theo quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN 41:2016/BGTVT); các loại phương tiện khác và người đi bộ không được dừng đỗ trong phạm vi kẻ vạch và trong khoảng 15 mét từ vị trí vạch về 2 phía theo phương dọc của đường.

4. Việc di dời điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt chỉ được thực hiện trong trường hợp để sửa chữa, mở rộng đường giao thông hoặc có sự thay đổi về tổ chức giao thông, sự thay đổi về lộ trình hoạt động của tuyến xe buýt làm cho điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt bị mất tác dụng hoặc khi có kiến nghị hợp lý của tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Trên các tuyến Quốc lộ, khi lắp đặt điểm dừng, nhà chờ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi cơ quan quản lý tuyến để thỏa thuận trước khi thực hiện.

Điều 4. Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc xã hội hóa.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt tại địa phương.

Điều 5. Thời gian phục vụ

1. Thời gian phục vụ của xe buýt thực hiện theo khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp căn cứ vào biểu đồ chạy xe được duyệt để bố trí đúng loại xe đăng ký, hoạt động đúng lộ trình; đảm bảo xe buýt chạy đúng giờ, đúng khoảng cách thời gian giữa các xe; dừng, đỗ đúng trạm, nhà chờ theo biểu đồ chạy xe đã công bố.

Điều 6. Phương tiện vận chuyển

1. Tiêu chuẩn xe buýt

a) Xe hoạt động trên tuyến phải đủ điều kiện được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP; khoản 2, khoản 3 Điều 26 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT và bảo đảm tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 302-06 ngày 02/3/2006 của Bộ

Giao thông vận tải.

b) Doanh nghiệp khai thác tuyến phải đăng ký với Sở Giao thông vận tải về màu sơn của xe buýt;

c) Xe buýt phải gắn thiết bị giám sát hành trình, thiết bị phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Niêm yết:

Việc niêm yết trên xe buýt thực hiện theo khoản 4 Điều 26 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

3. Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong lẫn bên ngoài thành xe buýt) thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 32 Luật Quảng cáo, nội dung quảng cáo phải đảm bảo yếu tố thẩm mỹ, phù hợp với văn hóa, phong tục, tập quán người Việt Nam.

Điều 7. Số hiệu tuyến xe buýt

1. Số hiệu tuyến xe buýt lưu thông trên địa bàn tỉnh được đặt theo quy định tại Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

2. Số hiệu tuyến xe buýt giữa các tỉnh liền kề do Sở Giao thông vận tải Tiền Giang thỏa thuận với các Sở Giao thông vận tải các tỉnh trên tuyến.

Điều 8. Vé xe buýt

1. Có 2 loại vé: Vé lượt và vé bán trước.

a) Vé lượt là chứng từ để khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt.

b) Vé bán trước là chứng từ để khách sử dụng đi lại thường xuyên trong thời gian một tháng hoặc dài hơn, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt.

2. Ngoài các loại vé nêu trên, doanh nghiệp khai thác tuyến được phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công và các đối tượng chính sách khác.

3. Giá vé xe buýt được niêm yết công khai tại nhà chờ (kể cả giá vé cho các đối tượng được miễn giảm).

Điều 9. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt

1. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Người lái xe buýt phải có đảm bảo về sức khỏe, độ tuổi và hạng giấy phép lái xe phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60 Luật Giao thông đường bộ.

Chương III
QUẢN LÝ KHAI THÁC TUYẾN XE BUÝT

Điều 10. Điều kiện tham gia khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 16 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

2. Trúng thầu hoặc được đặt hàng khai thác tuyến theo quy định tại Điều 11 quy định này.

3. Các tuyến xe buýt phải nằm trong quy hoạch tại Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Điều 11. Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến

1. Đấu thầu, đặt hàng đối với các tuyến xe buýt được cơ quan có thẩm quyền quyết định trợ giá

a) Việc đấu thầu khai thác các tuyến xe buýt chỉ thực hiện khi đáp ứng các quy định tại Điều 10 của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích (gọi tắt là Nghị định số 130/2013/NĐ-CP). Trường hợp không đáp ứng các quy định tại Điều 10 của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP thì thực hiện phương thức đặt hàng.

b) Sở Giao thông vận tải thực hiện trình tự, thủ tục đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 130/2013/NĐ-CP.

2. Đặt hàng khai thác tuyến xe buýt không có trợ giá

a) Thực hiện theo chương III Nghị định số 130/2013/NĐ-CP.

b) Sở Giao thông vận tải xây dựng Bảng tiêu chí đánh giá về mặt năng lực và điều kiện kinh doanh, Bảng tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật làm cơ sở lựa chọn đặt hàng đơn vị khai thác tuyến.

3. Thời hạn giao khai thác tuyến: Theo hợp đồng khai thác tuyến giữa Sở Giao thông vận tải và đơn vị trúng thầu hoặc được đặt hàng nhưng không quá 20 năm.

Điều 12. Thu hồi quyền khai thác tuyến

1. Doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt bị thu hồi quyền khai thác tuyến trong các trường hợp sau:

a) Bị thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP;

b) Không chấp hành sự phân công, điều động của các cơ quan có thẩm quyền trong các tình huống khẩn cấp như phòng chống thiên tai, bão lụt, cứu hộ, cứu nạn.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định khác có liên quan ban hành Quyết định thu hồi quyền khai thác tuyến sau khi xin ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.

3. Doanh nghiệp bị thu hồi quyền khai thác tuyến không được tham gia đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác tuyến đã bị thu hồi trước đó.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

a) Quy hoạch và sửa đổi quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt;

b) Danh mục các tuyến xe buýt tổ chức đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến.

2. Định hướng kế hoạch hàng năm cho các doanh nghiệp vận tải khách bằng xe buýt.

3. Quyết định danh mục, vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; quyết định chọn mẫu trạm dừng, nhà chờ; phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động.

4. Hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng nội quy khai thác tuyến xe buýt.

5. Thống nhất với Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt liền kề sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chỉ đạo Thanh tra Giao thông vận tải tăng cường công tác kiểm tra xử lý vi phạm Luật Giao thông đường bộ và các quy định có liên quan trong hoạt động xe buýt.

7. Phê duyệt biểu đồ chạy xe buýt trên các tuyến, Quyết định điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ chạy xe trên tuyến xe buýt nội tỉnh, Sở Giao thông vận tải và doanh nghiệp đóng dấu xác nhận phương án khai thác mới là một phần của hợp đồng khai thác tuyến.

8. Ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

9. Kiểm tra, yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư phương tiện, đúng tiêu chuẩn, đạt yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường

trong hoạt động khai thác.

10. Điều chỉnh hành trình đối với các tuyến xe buýt.

11. Tổ chức thực hiện đấu thầu, đặt hàng lựa chọn doanh nghiệp khai thác tuyến. Ký hợp đồng khai thác tuyến với doanh nghiệp trúng thầu hoặc được đặt hàng. Trong hợp đồng phải thể hiện rõ phương án khai thác tuyến bao gồm: tên tuyến, số hiệu tuyến, nhãn hiệu xe, sức chứa của xe, giá vé, biểu đồ chạy xe trên tuyến, thời hạn hợp đồng.

12. Xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc thực hiện đấu thầu, đặt hàng lựa chọn doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông và Công an các huyện, thành phố, thị xã tuần tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp xe buýt vi phạm Luật Giao thông đường bộ và các quy định có liên quan trong hoạt động vận tải khách bằng xe buýt; chỉ đạo xử lý nghiêm các hành vi gây mất trật tự an toàn xã hội.

2. Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông phối hợp với Thanh tra giao thông vận tải tổ chức tuần tra, kiểm soát, kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp xe buýt vi phạm như: chạy quá tốc độ; không đóng cửa lên xuống khi xe đang chạy; dừng, đỗ xe, đón trả khách không đúng nơi quy định; để người lên xuống xe khi đang chạy xe; không chấp hành tín hiệu đèn; tránh vượt, xe chạy không đúng tuyến đường, lộ trình và các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

3. Kịp thời cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải đối với các trường hợp xử lý xe buýt vi phạm trật tự an toàn giao thông.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy

1. Tuyên truyền phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt và Quy định này đến các doanh nghiệp có liên quan và người dân tại địa phương.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong công tác quản lý hoạt động xe buýt.

3. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, thống nhất với Sở Giao thông vận tải bố trí, lắp đặt các nhà chờ, biển báo điểm dừng xe buýt trên các tuyến xe buýt.

4. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban

nhân dân các xã, phường, thị trấn giám sát, kiểm tra hoạt động vận chuyển khách bằng xe buýt trên địa bàn.

5. Thông tin kịp thời đến Sở Giao thông vận tải những vấn đề bức xúc mà xã hội quan tâm có liên quan đến hoạt động xe buýt trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã.

Điều 17. Trách nhiệm của doanh nghiệp

Doanh nghiệp khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 34 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT, Điều 6 của Thông tư số 10/2015/TT-BGTVT ngày 15/4/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng ô tô.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Quy định này về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị mình, các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Chủ các doanh nghiệp xe buýt trên địa bàn tỉnh triển khai Quy định này đến nhân viên, người lao động của doanh nghiệp biết. Chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm về thực hiện Quy định này trong doanh nghiệp.

Trong quá trình thực hiện, nếu Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải có quy định mới hoặc thực tiễn có phát sinh vấn đề mới thì Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, thay đổi Quy định này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Phạm Anh Tuấn